

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-07-2023

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Nèang Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000, vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ D, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ B, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Ngô Thanh T, sinh năm 1997, vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ D, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Chị H và anh T tiến đến hôn nhân trong năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 06/11/2018. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống tại tổ D, khóm X, thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T),

tỉnh An Giang. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 07 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ và thường kiểm chuyện, dùng lời thô tục chửi mắng, đe dọa giết chị H; không cùng chị H chăm sóc, nuôi dạy con; mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh T không sửa đổi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh T càng trầm trọng, không khắc phục được, chị H và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Thanh H1, sinh ngày 10/12/2017, sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dạy con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị H có mặt, bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 19/6/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng, chị H vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị H và anh T sống ly thân nhau. Nhận thấy,

quá trình chung sống, anh T không quan tâm, chăm lo, vun đắp cuộc sống gia đình thể hiện qua việc anh T thường xuyên ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ và thường kiểm chuyện, dùng lời thô tục chửi mắng, đe dọa giết chị H, mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh T và chị H có 01 con chung tên Ngô Thanh H1, sinh ngày 10/12/2017, hiện đang chung sống với chị H. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu H1, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị H (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T được xác lập trong năm 2018, sau ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T xác lập năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường T), thị xã T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo

lời trình bày của nguyên đơn thì tình trạng hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn và theo xác minh tại địa phương hiện hai người đang sống ly thân với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa chị H, anh T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay, do bất đồng trong quan điểm sống hôn nhân. Điều đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị H với anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: anh T và chị H có 01 con chung tên Ngô Thanh H1, sinh ngày 10/12/2017, do chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con; anh T không có ý kiến. Nhận thấy từ khi hai người sống ly thân, con chung do chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu H1, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn anh T không có ý kiến bằng văn bản, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không được xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị H là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về xin ly hôn với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 06/11/2018 của Ủy ban nhân thị trấn T (nay là phường T), thị xã T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: giao con chung tên Ngô Thanh H1, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Ngô Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Thanh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dạy con chung mà không được bất kỳ ai cản trở;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008916, ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;

- Chi cục thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú